

**BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1949 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Đoàn đánh giá năng lực thực tế của tổ chức đăng ký chỉ định hoạt động thử nghiệm sản phẩm Amoni nitrat là tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Biên bản đánh giá tổ chức thử nghiệm sản phẩm tiền chất thuốc nổ ngày 13 tháng 4 năm 2024;*

*Xét đề nghị của Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin tại Đơn và Hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động thử nghiệm sản phẩm tiền chất thuốc nổ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo hành động khắc phục số 1045/BC-HCMTBi ngày 16 tháng 4 năm 2024;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin; Địa chỉ: Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ đơn vị thử nghiệm: Phòng thử nghiệm, Chi nhánh Tổng công ty Công

nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO (Mã số VILAS 888): Thôn Tây Sơn, Xã Vũ Chính, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình thực hiện việc thử nghiệm đối với sản phẩm Amoni nitrat là tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Mã số chỉ định: 01.24.TN-TCTN.

**Điều 2.** Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

**Điều 4.** Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ KH&CN (để biết);
- Vụ PC;
- Các Cục: ATMT, HC;
- Văn phòng Bộ (để đăng thông báo);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trương Thanh Hoài**





**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC SẢN PHẨM TIỀN CHẤT THUỐC NỔ VÀ CÁC PHÉP THỬ**  
**ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH THỬ NGHIỆM**

(Kèm theo Quyết định số 1949 /QĐ-BCT ngày 24 tháng 7 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| TT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                         | Tên phép thử được chỉ định                          | Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo | Phương pháp/ Quy trình thử nghiệm                                                                                                                         |
|----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Amoni nitrat dạng hạt xộp dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO       | Xác định độ tinh khiết bằng phương pháp chuẩn độ, % | 95,0 ÷ 99,80                              | QCVN 03:2012/BCT,<br>HDTN-03.01.03<br>HDTN-03.02.03<br>HDTN-03.03.03<br>HDTN-03.04.03<br>HDTN-03.05.03<br>HDTN-03.06.04<br>HDTN-03.07.03<br>HDTN-03.08.03 |
|    |                                                                | Xác định độ ẩm, %                                   | 0,05 ÷ 1,5                                |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định khối lượng riêng rời, g/cm <sup>3</sup>    | 0,6 ÷ 0,9                                 |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định cỡ hạt 0,5 ÷ 3,0 mm, %                     | 90 ÷ 100                                  |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định khả năng hấp phụ dầu, %                    | 6 ÷ 14                                    |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định cặn không tan trong nước, %                | 0,01 ÷ 0,25                               |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định pH (Dung dịch 10%)                         | 4 ÷ 6                                     |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định độ bền cơ học, g/mm <sup>2</sup>           | 80 ÷ 300                                  |                                                                                                                                                           |
| 2  | Amoni nitrat dạng tinh thể dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương | Xác định độ tinh khiết, %                           | 95,0 ÷ 99,80                              | QCVN 05:2015/BCT,<br>QCVN 03:2012/BCT,<br>HDTN-03.01.03<br>HDTN-03.02.03<br>HDTN-03.04.03<br>HDTN-03.07.03<br>HDTN-03.08.03                               |
|    |                                                                | Xác định độ ẩm, %                                   | 0,05 ÷ 1,5                                |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định cặn không tan trong nước, %                | 0,01 ÷ 0,25                               |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định pH (Dung dịch 10%)                         | 4 ÷ 6                                     |                                                                                                                                                           |
|    |                                                                | Xác định khối lượng riêng rời, g/cm <sup>3</sup>    | 0,6 ÷ 0,9                                 |                                                                                                                                                           |

**\* Chú thích:**

- HDTN-xxx: Hướng dẫn thử nghiệm của Phòng thử nghiệm Chi nhánh Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO (Mã số VILAS 888).


